

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1117/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 18 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Rạch Gốc,
huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 10/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngọc Hiển đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3175/UBND-XD ngày 06/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc lập điều chỉnh quy hoạch trung tâm huyện lỵ Ngọc Hiển;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hiển tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 27/5/2014 và Báo cáo thẩm định số 868/TĐQH-SXD ngày 02/7/2014 của Giám đốc Sở Xây dựng Cà Mau,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đến năm 2030; với những nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi điều chỉnh quy hoạch

Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Phạm vi nghiên cứu cụ thể như sau:

- + Hướng Đông Bắc giáp: Rạch Đường Kéo;
- + Hướng Đông Nam giáp: Sông Rạch Gốc;
- + Hướng Tây Bắc giáp: Đất rừng;
- + Hướng Tây Nam giáp: Rừng phòng hộ Biển Đông.

2. Tính chất, chức năng đô thị

Là Khu đô thị trung tâm của huyện Ngọc Hiến có chức năng là Trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện lỵ Ngọc Hiến.

3. Quy mô dân số

Dự báo dân số đô thị Rạch Gốc (trên cơ sở tăng dân số tự nhiên và tăng dân số cơ học):

- Đến năm 2020 khoảng 22.880 người.

- Đến năm 2030 khoảng 35.100 người.

4. Động lực phát triển

- Mỗi quan hệ vùng với tiềm năng phát triển kinh tế du lịch, kinh tế biển, quan hệ quốc tế và khu vực.

- Là đô thị động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn huyện Ngọc Hiến, trong điều kiện phát triển kinh tế biển.

5. Các chỉ tiêu chủ yếu

Quy mô đất đai tính theo dân số đô thị theo tiêu chuẩn đất đai đô thị loại V 150÷200 (m²/người).

5.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Cơ bản đảm bảo điều kiện cho thị trấn Rạch Gốc hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V (trước khi phát triển lên đô thị loại IV cho tương lai).

a) Các chỉ tiêu đất đai tổng quát:

Loại đô thị	Tổng số		Đất khu dân dụng		Đất ngoài khu dân dụng	
	Diện tích (m ² /người)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ² /người)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ² /người)	Tỷ lệ (%)
Đô thị loại V	150 - 200	100	64 - 82	41 - 43	86 - 118	57 - 59

b) Chỉ tiêu đất đai khu dân dụng:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức
1	Đất khu ở	m ² /ng	44÷55
2	Đất trung tâm và công trình công cộng	m ² /ng	3÷4
3	Đất cây xanh	m ² /ng	5÷6
4	Đất giao thông	m ² /ng	12÷17
	Cộng	m²/ng	64÷82

c) Chỉ tiêu đất đai khu ngoài dân dụng:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức
1	Đất Cụm công nghiệp và TTCN	m ² /ng	5÷10
2	Đất kho tàng	m ² /ng	1÷2
3	Đất giao thông đối ngoại	m ² /ng	4÷5
4	Đất khác (đất dự trữ)	m ² /ng	76÷101
	Cộng	m²/ng	86÷118

5.2. Quy mô đất đai trong giai đoạn phát triển:

- Quy mô diện tích tính theo dân số đô thị đến năm 2020 khoảng 451,39ha.
- Quy mô diện tích tính theo dân số đô thị đến năm 2030 khoảng 521,58ha.

5.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị: Theo QCXDVN 01:2008/BXD, cụ thể như sau:

STT	Hệ thống HTKT	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Cấp nước (tỷ lệ cấp nước 100%)	Lit/người/ngày	80÷100
2	Thoát nước thải	80% cấp nước	64÷80
3	Thu gom CTR (tỷ lệ gom ≥ 90%)	Kg/người/ngày	0,9
4	Cấp điện		
	- TC cấp điện dân dụng	KWh/người/năm	400
	- TC cấp điện công cộng	% điện dân dụng	30
	- TC cấp điện công nghiệp	KW/ha	200
	- TC cấp điện tiểu thủ công nghiệp	KW/ha	120
	- TC cấp điện kho tàng	KW/ha	50

5.4. Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội: Theo QCXDVN 01:2008/BXD.

6. Định hướng tổ chức không gian đô thị

- Đô thị quy hoạch thành 02 khu vực chính gồm:
 - + Khu Hành chính huyện, vị trí tại ngã ba sông Rạch Gốc và Đường Kéo.
 - + Khu Hành chính - Thương mại thị trấn Rạch Gốc, vị trí tại thị trấn Rạch Gốc, kết nối giữa khu vực khu dân cư và thương mại là tuyến đường trung tâm huyện.
- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm:
 - + Khu vực phát triển đô thị, khu vực dịch vụ thương mại, khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khu neo đậu tránh trú bão, vùng cây xanh cảnh quan, công viên tượng đài, không gian mở...

+ Các khu vực cây xanh, mặt nước đan xen giữa các khu đô thị, kết nối hệ thống sông, kênh, rạch và vùng sản xuất nông nghiệp.

7. Cơ cấu sử dụng đất

Phân chia đô thị thành 3 khu vực chính, gồm:

- Khu vực 1 (phía Đông từ kênh Quế đến sông Đường Kéo): Bố trí các công trình lịch sử, công cộng, các cơ quan hành chính cấp huyện, chợ trung tâm và các cơ sở giáo dục - đào tạo đã hình thành theo trục đường trung tâm.

- Khu vực 2 (từ kênh Quế đến kênh Ba): Bố trí các công trình công cộng, y tế, cơ sở giáo dục - đào tạo và khu dân cư đã hình thành dọc theo đường giao thông bộ sông Đường Kéo.

- Khu vực 3 (phía Tây Nam và phía Nam kênh Ba): Bố trí các công trình công cộng và các cơ sở giáo dục - đào tạo, khu hành chính mới và khu vực dân cư.

7.1. Cơ cấu sử dụng đất dài hạn đến năm 2030 khoảng 521,58ha, cụ thể như sau:

STT	Thành phần đất đai	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất khu dân dụng	402,98	77,26
1	Đất khu ở	209,21	40,11
2	Đất trung tâm và công trình công cộng	61,73	11,83
3	Đất các cơ quan ban, ngành	8,61	1,65
4	Đất giáo dục	9,11	1,75
5	Đất Y tế	5,17	0,99
6	Đất giao thông	91,06	17,46
7	Đất cây xanh	18,10	3,47
II	Đất ngoài khu dân dụng	104,46	22,74
1	Đất công nghiệp, tiểu thủ CN	65,08	12,48
2	Đất kho tàng	0,00	-
3	Đất giao thông đối ngoại	7,69	1,47
4	Đất ao hồ, sông, rạch	24,70	4,74
5	Đất khác	21,13	4,05
	Tổng cộng	521,58	100,00

7.2. Cơ cấu sử dụng đất ngắn hạn đến năm 2020 khoảng 451,39ha; trong đó, các khu vực được lựa chọn đầu tư xây dựng đợt đầu bao gồm: Khu trung tâm hành chính huyện và các cơ quan ban, ngành; một phần cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; Trung tâm hành chính thị trấn Rạch Gốc, trung tâm y tế, trung tâm văn hoá, thể dục - thể thao và các công trình công cộng phục vụ khu dân cư; các khu dân cư trung tâm, cụ thể như sau:

STT	Thành phần đất đai	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	356,05	77,26
1	Đất khu ở	176,08	40,11
2	Đất trung tâm và công trình công cộng	57,81	11,83
3	Đất các cơ quan ban, ngành	8,61	1,65
4	Đất giáo dục	8,33	1,75
5	Đất Y tế	5,17	0,99
6	Đất giao thông	81,95	17,46
7	Đất cây xanh	18,10	3,47
B	Đất ngoài khu dân dụng	81,20	22,74
1	Đất công nghiệp, tiểu thủ CN	41,83	12,48
2	Đất kho tàng		-
3	Đất giao thông đối ngoại	7,69	1,47
4	Đất ao hồ, sông, rạch	24,70	4,74
5	Đất khác	21,39	4,05
	Tổng cộng	451,39	100,00

8. Quy hoạch mạng lưới tầng kỹ thuật

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) San nền:

- Quy hoạch cao độ san nền (Hxd) khu dân dụng Hxd = +2,20m.
- Quy hoạch cao độ san nền (Hxd) Cụm công nghiệp và TTCN Hxd = +2,40m.

b) Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải; toàn bộ khu vực quy hoạch được chia thành 6 lưu vực thoát nước chính, gồm:

- Lưu vực 1 và 2: Trung tâm hành chính huyện thoát ra sông Rạch Gốc;
- Lưu vực 3 và 4: Khu dân cư đô thị thoát ra sông Rạch Gốc;
- Lưu vực 5 và 6: Khu thị trấn mới và cũ thoát ra kênh Ba và sông Rạch Gốc.

Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống hộp bê tông cốt thép đúc sẵn đặt trên vỉa hè hệ thống giao thông đô thị, cống qua đường dùng cống tròn đúc sẵn.

8.2. Giao thông:

a) Giao thông thủy: Hệ thống giao thông thủy chủ yếu sông Rạch Gốc, rạch Đường Kéo và kênh Ba.

b) Giao thông bộ:

- Hệ thống giao thông ngoại thị: Đường Hồ Chí Minh đi qua thị trấn Rạch Gốc có lộ giới 30÷60m.

- Hệ thống giao thông nội thị, cụ thể như sau:

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Mặt cắt	Chiều rộng (m)			
				Lộ giới	M.đường	Via hè	Dải PC
01	Đường số 1	365	1-1	30	8x2	6x2	2
03	Đường số 3						
-	Ngoài khu vực HC	5.744	2-2	21	12	4,5x2	-
-	Trong khu vực HC	205	1-1	30	8x2	6x2	2
04	Đường số 4	6.365	1-1	30	8x2	6x2	2
05	Đường số 5	229	1'-1'	60	8x2	6x2	32
07	Đường số 7	410	1-1	30	8x2	6x2	2
09	Đường số 9	322	1-1	30	8x2	6x2	2
10	Đường số 13	773	1-1	30	8x2	6x2	2
11	Đường số 18	899	6-6	24	12	6x2	-
12	Đường số 21	206	1-1	30	8x2	6x2	2
13	Đường số 31	450	1-1	30	8x2	6x2	2
14	Đường số 35	628	6-6	24	12	6x2	-
15	Đường Hồ Chí Minh						
-	Đoạn kênh Ngang đến bến xe	936	1A-1A	60	(8x2)+(6x2)	6x2	9-2-9
-	Đoạn kênh Ngang đến đường số 41	1.046	1-1	30	8x2	6x2	2
16	Đường số 45	836	7-7	26	16	6x2	-

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn nước: Nguồn nước ngầm là nguồn cấp nước chính phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của đô thị.

- Giai đoạn đến 2020: Cải tạo trạm cấp nước Số 01 tại thị trấn lên công suất khai thác 500m³/ngày; đồng thời, xây dựng mới 02 trạm cấp nước cụm công nghiệp, TTCN và trung tâm huyện, công suất mỗi trạm 2.000m³/ngày.

- Giai đoạn 2020 - 2030: Nâng công suất trạm cấp nước Số 01 từ 500m³/ngày lên 1.000m³/ngày; nâng cấp mở rộng 02 trạm cấp nước cụm công nghiệp, TTCN và trung tâm huyện, công suất mỗi trạm lên khoảng 3.000m³/ngày đêm.

b) Mạng lưới cấp nước: Hệ thống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE được lắp đặt trên vỉa hè cách chỉ giới đường đỏ từ 0,50÷1,5m, tùy theo lộ giới từng tuyến đường. Độ sâu chôn ống trung bình là 0,8m tính từ đỉnh ống.

8.4. Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải sử dụng cống BTCT; khi có điều kiện sẽ đầu tư xây dựng riêng hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa. Có 2 hệ thống thoát nước thải (cụm công nghiệp, TTCN và khu dân cư).

8.5. Cấp điện và chiếu sáng công cộng: Nguồn cấp điện chính cho đô thị là tuyến trung thế 3 pha xuất phát từ trạm 110/22KV-20MVA-Năm Căn 22KV. Mạng lưới điện hạ thế và chiếu sáng công cộng cho khu vực, hạ ngầm các tuyến đường điện, cấp chiếu sáng các trục đường chính các khu trung tâm.

8.6. Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc được ngầm hoá và đặt trên vỉa hè. Các trạm tiếp sóng viễn thông hạn chế đặt trong các khu vực trung tâm để không ảnh hưởng mỹ quan đô thị.

8.7. Chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thu gom xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển trong ngày về nơi xử lý theo quy định.

- Nghĩa trang được quy hoạch ngoài đô thị (theo kênh Một về phía Bắc đô thị).

8.8. Tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật:

- Ưu tiên loại đường ống tự chảy, ống có kích thước lớn và các đường ống thi công khó khăn.

- Bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo quy chuẩn giữa các đường ống với nhau và với công trình xây dựng cả về chiều cao và chiều đứng.

- Các công trình tuân thủ nguyên tắc bố trí song song với nhau và song song với tim đường quy hoạch, hạn chế giao cắt.

- Tại các điểm giao cắt với đường chính đô thị, có giải pháp phù hợp để các tuyến kỹ thuật cùng đi trong tuyến (nếu điều kiện kỹ thuật cho phép).

- Hệ thống đường ống thoát nước phải bố trí trên vỉa hè hoặc ở dải phân cách, chỉ bố trí dưới lòng đường khi đường ống đi xuyên ngang đường tại các giao lộ.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

- Mục tiêu môi trường: Xây dựng đô thị phát triển bền vững và thân thiện với môi trường.

- Giải pháp quy hoạch nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và ảnh hưởng của môi trường:

+ Định hướng việc ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Xây dựng các phương án và giải pháp để thực hiện.

+ Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, bố trí diện tích các không gian xanh trong đô thị, không gian mặt nước, bảo tồn các khu vực sinh thái.

+ Quy hoạch mạng lưới giao thông bền vững, hạn chế ảnh hưởng và phá vỡ môi trường đô thị.

+ Quy hoạch cao độ nền: Theo mực nước của các sông trên khu vực; đảm bảo địa hình tự nhiên, đặc trưng của khu vực và duy trì tối đa cảnh quan.

+ Thoát nước mưa đô thị theo hướng ưu tiên tự chảy; tận dụng không gian mặt nước hiện có để điều tiết nước mưa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Hệ thống thoát nước thải góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, đất, đảm bảo việc phát triển đồng bộ và bền vững, thân thiện với môi trường.

+ Quy hoạch cấp nước, nâng cao chất lượng cho cộng đồng, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hiện đại.

+ Thu gom và xử lý chất thải rắn, quy hoạch nghĩa trang theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

- Biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, sự cố môi trường:

+ Ứng phó với biến đổi khí hậu: Phát triển chương trình trồng rừng, nâng cao độ che phủ của rừng; quản lý và khai thác hợp lý nguồn nước mặt, nước ngầm; giảm thiểu phát thải ô nhiễm.

+ Ứng phó thiên tai: Xây dựng hệ thống cảnh báo và thông tin về biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Sự cố môi trường: Có chính sách ngăn chặn ô nhiễm; xói lở bờ sông, kênh, rạch và bờ biển; tăng cường năng lực cứu hộ.

- Chương trình giám sát môi trường:

+ Xây dựng bộ dữ liệu diễn biến chất lượng môi trường làm cơ sở xây dựng các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ Đối tượng giám sát trực tiếp là các thành phần và yếu tố môi trường có tính nhạy cảm theo thời gian và không gian: Giám sát chất thải, giám sát môi trường xung quanh.

+ Giám sát các tác động môi trường.

+ Mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học.

10. Các công trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng chính;

- Khu cơ quan hành chính của thị trấn Rạch Gốc;

- Khu các cơ quan thuộc Huyện ủy;

- Cụm công nghiệp, TTCN và khu dịch vụ phục vụ công nghiệp;

- Khu trung tâm văn hoá, thể dục - thể thao huyện;

- Các công trình giáo dục, y tế;

- Các khu dân cư.

Điều 2. Giao UBND huyện Ngọc Hiển:

1. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đến năm 2030 theo quy định.

2. Tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định để quản lý quy hoạch được duyệt.

3. Hoàn chỉnh Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Tổ chức lập và điều chỉnh các quy hoạch chi tiết phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đến năm 2030. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Hiển, Chủ tịch UBND thị trấn Rạch Gốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 47/QĐ-CTUB ngày 28/01/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: XD (Ph), NĐ-NĐ;
- Lưu: VT, Ktr34/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tiên Dũng